

Số: 12 /2024/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 28 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định số lượng, chủng loại; phương thức quản lý, thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 161/TTr-STC ngày 14 tháng 5 năm 2024; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 712/BC-STP ngày 14 tháng 5 năm 2024 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; phương thức quản lý, thẩm quyền quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế) tại các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô

1. Số lượng, chủng loại, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Quyết định này và Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ để làm căn cứ lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Việc quản lý, sử dụng xe ô tô phải được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Việc mua sắm xe ô tô tại Quyết định này phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, quy định của pháp luật về mua sắm tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện mua sắm

Từ ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Số lượng, chủng loại; phương thức quản lý; thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Số lượng: Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Chủng loại: xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải). Chỉ trang bị xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu đối với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy (tối đa không quá 02 xe/đơn vị); Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn, Sở Y tế và các huyện, thành phố (tối đa không quá 01 xe/đơn vị).

3. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị.

4. Quy định thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế)

1. Tiêu chuẩn, định mức: Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định Quyết định này là giá mua xe đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phươg tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe và các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

3. Số lượng và mức giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này là số lượng và mức giá tối đa. Khi thực hiện mua sắm, các cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào đặc điểm, đặc tính kỹ thuật, chủng loại, nhãn hiệu, kết cấu có liên quan và giá thị trường tại thời điểm mua sắm, thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp theo quy định của pháp luật về đấu thầu, bảo đảm giá mua không vượt quá mức tối đa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định này

4. Trường hợp giá mua xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm cao hơn so với mức giá tối đa do UBND tỉnh ban hành, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp, kịp thời.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/6/2024 và thay thế Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Nam Định thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND tỉnh Nam Định.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh

a) Quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức được UBND tỉnh ban hành theo Quyết định này.

b) Căn cứ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 Quyết định này và điều kiện thực tế, ban hành theo thẩm quyền Quyết định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc.

c) Thực hiện rà soát, sắp xếp lại, xử lý xe ô tô thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

d) Chỉ đạo các cơ quan thuộc, trực thuộc:

- Thực hiện quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, hạch toán, kế toán đầy đủ về hiện vật, giá trị đối với xe ô tô được giao quản lý, sử dụng. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý về xe ô tô theo quy định.

- Tổ chức triển khai, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo Quyết định của cấp có thẩm quyền đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng quy định.

đ) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh hoặc kiến nghị, đề xuất, kịp thời phản ánh để Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND xem xét, chỉ đạo.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị định 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ và tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này, quyết định theo quy trình, thẩm quyền định mức cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung.

b) Căn cứ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Quyết định này và điều kiện thực tế, ban hành theo thẩm quyền Quyết định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc.

c) Thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều này đối với xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

3. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn việc thực hiện quy định về quản lý, sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh tại Quyết định này.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện mua sắm, xử lý xe ô tô thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP5, VP7, VP10, VP6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Lan Anh

[Handwritten signature]

Phụ lục I
SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG
THEO ĐIỀU 11, 12 NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP
(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày /5/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng (xe)
	TỔNG CỘNG	132
I	KHỐI VĂN PHÒNG CẤP TỈNH	15
1	Văn phòng Tỉnh uỷ	3
2	Văn phòng UBND tỉnh	7
3	Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân tỉnh	5
II	SỞ, BAN, NGÀNH KHỐI TỈNH	51
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	4
3	Sở Y tế	3
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	3
5	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	3
6	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	3
7	Sở Giao thông vận tải	2
8	Sở Công Thương	2
9	Sở Xây dựng	2
10	Sở Khoa học và Công nghệ	2
11	Thanh tra tỉnh	2
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2
13	Sở Nội vụ	2
14	Sở Tư pháp	2
15	Sở Tài chính	2
16	Sở Thông tin và Truyền thông	2
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp	2
18	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2
19	Đài Phát thanh và Truyền hình	2
20	Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ	2
21	Trường Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật và Du lịch	1

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng (xe)
III	MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI THUỘC TỈNH	5
1	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	1
2	Ban Chấp hành đoàn tỉnh	1
3	Hội Liên hiệp phụ nữ	1
4	Hội Nông dân	1
5	Hội Cựu chiến binh	1
IV	KHỐI HUYỆN	61
1	Thành phố Nam Định	7
2	Huyện Trực Ninh	6
3	Huyện Xuân Trường	6
4	Huyện Ý Yên	6
5	Huyện Nghĩa Hưng	6
6	Huyện Hải Hậu	6
7	Huyện Mỹ Lộc	6
8	Huyện Nam Trực	6
9	Huyện Giao Thủy	6
10	Huyện Vụ Bản	6

Ghi chú: Huyện Mỹ Lộc sau khi sáp nhập vào thành phố Nam Định thì số lượng xe của thành phố Nam Định là 7 xe./.

Phụ lục II
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ
CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA TỈNH NAM ĐỊNH (TRỪ LĨNH VỰC Y TẾ)

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày /5/2024 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	Đối tượng sử dụng	Định mức (xe/đơn vị)	Chủng loại	Mức giá tối đa (ngàn đồng/xe)	Mục đích sử dụng
	TỔNG CỘNG	194			
I	KHỐI TỈNH	189			
1	Đài Phát thanh và Truyền hình	3			
		1	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng	3.600.000	Phục vụ chở thiết bị thu phát tín hiệu làm chương trình truyền hình trực tiếp
		2	xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	900.000	Phục vụ chở thiết bị, cán bộ đi làm chương trình lưu động
2	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	12			
2.1	Trung tâm thể thao thành tích cao	1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	2.700.000	Phục vụ chở vận động viên
2.2	Nhà hát nghệ thuật truyền thống	6			
		3	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	2.700.000	Phục vụ chở diễn viên
		3	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ chở đạo cụ
2.3	Trung tâm văn hoá, điện ảnh và triển lãm	2			
		1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1.800.000	Phục vụ chở diễn viên
		1	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ chở đạo cụ
2.4	Thư viện tỉnh	1	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ phát triển văn hóa đọc cộng đồng
2.5	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	2.700.000	Phục vụ chở vận động viên
2.6	Bảo tàng tỉnh	1	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ chuyên chở hiện vật
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9			

STT	Đối tượng sử dụng	Định mức (xe/đơn vị)	Chủng loại	Mức giá tối đa (ngàn đồng/xe)	Mục đích sử dụng
3.1	Chi cục Kiểm lâm	1	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	1.400.000	Phục vụ công tác quản lý rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, tuần tra, kiểm tra rừng; quản lý lâm sản và động vật hoang dã
3.2	Chi cục Chăn nuôi và thú y	1	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ chở vật tư, thiết bị, phòng chống dịch bệnh
3.3	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	1	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ chở vật tư, thiết bị, phòng chống dịch bệnh
3.4	Trung tâm giống thủy hải sản	2	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ chở vật tư, con giống, thiết bị, dụng cụ
3.5	Trung tâm giống gia súc gia cầm	2	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ chở vật tư, con giống, thiết bị, dụng cụ
3.6	Trung tâm giống cây trồng	1	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ chở vật tư, con giống, thiết bị, dụng cụ
3.7	Ban quản lý cảng cá Nam Định	1	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão
4	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2			
4.1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh	2	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1.800.000	Phục vụ đưa đón đối tượng người có công
5	Sở Giao thông vận tải	158			
5.1	Ban An toàn giao thông tỉnh Nam Định	1	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng	1.400.000	Phục vụ tuyên truyền an toàn giao thông
5.2	Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Nam Định	1	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng	1.400.000	Xe gắn thiết bị cân lưu động
5.3	Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Nam Định	6	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	900.000	Phục vụ nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông
5.4	Trường Trung cấp giao thông vận tải tỉnh Nam Định	150	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật		Phục vụ nhiệm vụ đào tạo, sát hạch
		90	Xe từ 16 chỗ trở xuống	950.000	
		10	Xe trên 16 chỗ	2.700.000	
		50	Xe tải, xe sơ mi rơ mooc	900.000	

STT	Đối tượng sử dụng	Định mức (xe/đơn vị)	Chủng loại	Mức giá tối đa (ngàn đồng/xe)	Mục đích sử dụng
6	Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định	2			
		1	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1.800.000	Phục vụ đào tạo thực hành nghiệp vụ cho học sinh, sinh viên nghề hướng dẫn viên du lịch
		1	Xe ô tô tải	900.000	Phục vụ chở máy móc, thiết bị dạy nghề cho các điểm trường huyện
II	KHỐI HUYỆN	5			
1	UBND thành phố Nam Định	4			
1.1	Đội quản lý trật tự đô thị	1	Xe ô tô tải	500.000	Phục vụ công tác đảm bảo trật tự đô thị, vệ sinh môi trường của thành phố Nam Định
1.2	UBND xã Lộc An	1	Xe ô tô tải	500.000	Xe chở rác
1.3	UBND xã Lộc Hòa	1	Xe ô tô tải	500.000	Xe chở rác
1.4	UBND xã Nam Phong	1	Xe ô tô tải	500.000	Xe chở rác
2	UBND huyện Xuân Trường	1			
2.1	Trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch huyện Xuân Trường	1	Xe ô tô tải	500.000	Xe chở rác